TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA DU LỊCH

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Hà Nội, 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG 1

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 1

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường ĐHCN HN 1

2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Du lịch 5

2.3. Mục tiêu đào tạo 5

3. CHUẨN ĐẦU RA 6

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM 8

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 8

5.1. Thông tin tuyển sinh 8

5.2. Quy trình đào tạo 8

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp 9

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY 9

6.1 Đội ngũ giảng dạy 9

6.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy 11

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 13

7.1. Chuẩn bị của giảng viên 14

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 15

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 15

8.1. Quy trình đánh giá 15

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 16

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 16

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa 16

9.2. Nội dung chương trình 17

9.3. Ma trận đối sánh 21

9.4. Sơ đồ tiến trình đào tạo 28

9.6. Đề cương chi tiết các học phần 46

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 50

10.1. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo 50

10.2. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường 50

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 52

PHỤ LỤC 53

Phụ lục 1 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học trong nước 53
Phụ lục 2 CTĐT ngành tương ứng của các trường đại học nước ngoài 53

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình: **Quản trị khách sạn**

Năm ban hành: **2018**

1. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐƠN VỊ CẤP BẰNG

Tên chương trình:	
Tiếng Việt:	Quản trị khách sạn
Tiếng Anh:	Hospitality management
Mã ngành:	7810201
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Cử nhân Quản trị khách sạn
Trình độ đào tạo:	Cử nhân Quản trị khách sạn
Thời gian đào tạo:	04 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT	Khoa Du lịch

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCN HN); tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Du lịch, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu hoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường ĐHCN HN

Trường ĐHCN HN là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

2.1.2. Sứ mạng

Trường ĐHCN HN cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng trường ĐHCN HN thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của trường ĐHCN HN. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa ĐHCN HN

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí "Văn hóa ĐHCN HN";

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học

bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Triết lý giáo dục và định hướng phát triển của Khoa Du lịch

2.2.1. Triết lý giáo dục

Học để biết,

Học để làm,

Học để khẳng định bản thân,

Học để chung sống.

Nguồn: UNESCO

2.2.2. Định hướng phát triển

- Phát triển hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa trong khuôn khổ tầm nhìn sứ mạng và mục tiêu phát triển của Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển;

- Đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

2.3. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn (QTKS) được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho thị trường lao động trong nước và quốc tế; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm; Có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ đào tạo theo chuẩn quốc gia và khu vực; Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo và năng lực giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức, quản lý, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phục vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú; Thích nghi với môi trường làm việc; Có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển của khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, phương pháp nghiên cứu khoa học đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của ngành đào tạo và khả năng học tập ở trình độ cao hơn cũng như học tập suốt đời. Có hiểu biết về kinh tế và các vấn đề đương đại liên quan

ngành du lịch để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

MT2: Có kiến thức cơ bản trong ngành du lịch và những kiến thức chuyên sâu về tổ chức, quản trị các hoạt động kinh doanh của khách sạn cũng như kiến thức hỗ trợ cho việc tư duy và ra quyết định trong môi trường du lịch.

MT3: Có các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng thiết yếu khác trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp khách sạn.

MT4: Có các kỹ năng liên cá nhân: giao tiếp, làm việc nhóm để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia và hội nhập quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA

a. Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và cơ sở ngành quản trị khách sạn.

b. Phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch.

c. Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú: Lễ tân/Nghiệp vụ buồng /Nghiệp vụ Bar – Nhà hàng.

d. Xây dựng được qui trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận của các cơ sở kinh doanh lưu trú.

e. Giám sát và quản lý được hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận của của các cơ sở kinh doanh lưu trú.

f. Phân tích, đánh giá và bước đầu xây dựng được các chiến lược, chính sách phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe, an toàn, khả năng sản xuất và phát triển bền vững.

g. Tiếp cận và làm quen để sử dụng được các kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong các cơ sở kinh doanh lưu trú.

h. Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.

i. Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

j. Khả năng giao tiếp hiệu quả; trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

k. Nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời.

l. Hiểu biết về các vấn đề đương đại.

m. Vận dụng tri thức và các phương pháp nghiên cứu khoa học.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
		MT 1	MT 2	MT 3	MT 4
a.	Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và cơ sở ngành quản trị khách sạn;	☒			
b.	Phân tích được động cơ và tâm lý tiêu dùng của khách du lịch;	☒			
c.	Thực hiện được các nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động kinh doanh lưu trú: Lễ tân/Nghiệp vụ buồng /Nghiệp vụ Bar – Nhà hàng;			☒	
d.	Xây dựng được qui trình, điều hành và phân tích kết quả các hoạt động theo vị trí việc làm tại các bộ phận của các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒		
e.	Giám sát và quản lý được hoạt động bộ phận theo vị trí việc làm tại các bộ phận của của các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒	☒	
f.	Phân tích, đánh giá và bước đầu xây dựng được các chiến lược, chính sách phát triển các cơ sở kinh doanh lưu trú nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, đạo đức, sức khỏe, an toàn, khả năng sản xuất và phát triển bền vững;		☒		
g.	Tiếp cận và làm quen để sử dụng được các kỹ thuật, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ hiện đại cần thiết để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong các cơ sở kinh doanh lưu trú;		☒	☒	
h.	Thực hiện các trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp;		☒		
i.	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả;				☒
j.	Khả năng giao tiếp hiệu quả; trình độ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.			☒	☒
k.	Nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời;	☒			
l.	Hiểu biết về các vấn đề đương đại;	☒			
m.	Vận dụng tri thức và các phương pháp nghiên cứu khoa học.	☒			

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị khách sạn, người học có thể đảm nhận các vị trí công tác sau:

- Nhân viên kinh doanh, quan hệ khách hàng, nghiên cứu và phát triển thị trường, quan hệ công chúng (PR) trong các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú, ăn uống, tổ chức sự kiện ...;
- Trưởng nhóm, giám sát, hoặc quản lý các bộ phận lễ tân, buồng, bàn, bar trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, ăn uống;
- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp có liên quan đến du lịch và khách sạn: Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch, Tổng cục Du lịch,Vụ lữ hành, Vụ khách sạn, Sở du lịch, Viện nghiên cứu và phát triển du lịch …;
- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu liên quan tới các lĩnh vực nhà hàng và khách sạn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại ***http://tuyensinh.haui.edu.vn***.
- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tổ hợp xét tuyển: Trường ĐHCN HN xét tuyển tuyển sinh theo các tổ hợp. Trong đó, ngành đào tạo QTKS xét tuyển theo các tổ hợp sau:

+ Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
+ Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
+ Khối D01 (Toán, Văn, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.
- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 141,5 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 8 năm.
- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;
- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1 Đội ngũ giảng dạy

Tại thời điểm 2018, khoa Du lịch bao gồm 03 bộ môn: Bộ môn Quản trị kinh doanh du lịch, Du lịch, Cơ sở. Khoa Du lịch có 26 giảng viên (21 giảng viên cơ hữu, 05 giảng viên mời giảng) và 03 chuyên viên, trong đó có 10 tiến sĩ (38,5%), 16 thạc sĩ (61,5%). Độ tuổi trung bình của cán bộ, giảng viên nằm trong khoảng 30 – 45 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa Du lịch năm 2018

STT	Bộ môn	Tổng số giảng viên	Trình độ		Hợp đồng lao động	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cơ hữu	Hợp đồng
1	Quản trị kinh doanh du lịch	09	01	08	07	02
2	Du lịch	11	07	04	08	03
3	Cơ sở	06	02	04	06	0
	Tổng cộng	**26**	**10**	**16**	**21**	**05**

Nguồn: Khoa Du lịch

Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành QTKS

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
1.	Nguyễn Anh Tuấn, 1961; Phó Hiệu Trưởng	Tiến sĩ Philipine, 2015	Quản trị kinh doanh	Marketing du lịch (3); Kinh doanh KS (3); Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ (2); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (2); Quản trị nhân lực (2);

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
2.	Phí Công Mạnh, 1987; Giảng viên	Tiến sĩ Việt Nam, 2015	Tâm lý học	Tâm lý và hành vi tiêu dùng du lịch (4); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Nghiệp vụ bàn (3); Lễ tân khách sạn (3); Tư vấn và bán sản phẩm du lịch (3); Giao tiếp trong du lịch (3); Lễ tân ngoại giao (2).
3.	Trần Quốc Hưng, 1974; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm (2); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Kinh doanh KS (3); Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Lễ tân khách sạn (3).
4.	Trần Thị Lan Hương, 1992; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2017	Quản trị kinh doanh	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm (2); An ninh an toàn trong khách sạn (3); Kinh doanh khách sạn (3); Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Pha chế đồ uống (3).
5.	Phạm Thị Yến Hoa, 1990; Giảng viên	Thạc sĩ Úc, 2018	Quản trị kinh doanh	Marketing du lịch (3); Thanh toán quốc tế trong du lịch (3); Thương mại điện tử trong du lịch (3)
6.	Bùi Phú Mỹ, 1984; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Du lịch học	Marketing du lịch (3); Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ (2); Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (2);
7.	Vương Thị Vân Anh, 1987; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2009	Du lịch	Quản trị bộ phận buồng (2); Quản trị bộ phận tiền sảnh (2); Quản trị bộ phận ẩm thực (2); Nghiệp vụ buồng (3); Nghiệp vụ bàn (3); Pha chế đồ uống (3).
8.	Lê Đức Thủy, 1982; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Khoa học quản lý	Quản trị nhân lực (2); Phương pháp nghiên cứu khoa học (3)
9.	Trần Thị Bích Huệ, 1979; Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam 2015	Chính trị	Các học phần lý luận chính trị (11)
10.	Đỗ Thu Hằng, 1990; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Chính trị	Các học phần lý luận chính trị (11)

Stt	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ/ĐVHT dự kiến đảm nhiệm
11.	Vũ Thị Phương Thoa, 1986; Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh Du lịch 1 (5); Tiếng anh Du lịch 2 (5)
12.	Nguyễn Thị Hương; Giảng viên	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh Du lịch 1 (5); Tiếng anh Du lịch 2 (5)
13.	Vương Thị Nguyệt, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất (4)

6.2 Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

6.2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 4. Thống kê phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

Stt	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính…)	Số lượng	Diện tích (m^2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	06	70	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Học phần có trong CTĐT
2	Phòng học ngoại ngữ	12	60	Máy tính Máy chiếu Đài đĩa Đầu video Tai nghe	1/phòng 1/phòng 1/phòng 1/phòng 1/phòng	Ngoại ngữ
3	Phòng máy tính	01	72,45	Máy tính Máy chiếu	1/phòng 1/phòng	Tin học ứng dụng trong du lịch
4	Phòng thực hành nghiệp vụ	04	60	Máy tính Máy chiếu và các trang thiết bị thực hành theo tiêu chuẩn VTOS	Theo tiêu chuẩn VTOS cho từng nghiệp vụ	Nghiệp vụ buồng; Nghiệp vụ bàn; Pha chế đồ uống; Lễ tân khách sạn.

Nguồn: Khoa Du lịch

Số lượng phòng học và phòng thực hành hiện tại đảm bảo đáp ứng tốt các điều kiện về cơ sở vật chất cho sinh viên khoa Du lịch nói chung và ngành QTKS nói riêng học tập và thực hành trực tiếp theo phân phối thời lượng chương trình và tình hình đăng ký học phần theo tín chỉ theo nguyện vọng của sinh viên.

6.2.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Nhà trường có 03 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m^2 (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m^2 và diện tích 2.000m^2 kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

Trung tâm sử dụng hệ quản trị thư viện Libol 6.0 (Library Online 6.0), sử dụng công nghệ mã vạch để quản lý hoạt động thư viện. Nhà trường đã xây dựng trang Website thư viện http://lib.haui.edu.vn/ để phục vụ cho sinh viên. Ngoài ra thư viện của trường còn kết nối với thư viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo http://ebook.moet.gov.vn/ giúp cho sinh viên, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm nhà trường đầu tư hàng tỉ đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng vốn đầu sách trong thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

** Phòng đọc tài liệu điện tử*

- Số lượng phòng: 02
- Diện tích phòng: 100 m^2/phòng
- Nguồn kinh phí xây dựng do nhà trường đầu tư;
- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các thí nghiệm qua các phần mềm đã được cài đặt.
- Các trang thiết bị chính: Với 80 máy tính cấu hình cao nối mạng Lan và mạng internet tốc độ cao.

Bảng 5. Danh mục các thiết bị kèm theo

Stt	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	80	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đức	
3.	Wiless AIR – AP 1252 AG-A-K9	05	China	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	China	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	China	
Và nhiều trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

Nguồn: Trường ĐHCN HN

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Diện tích phòng: 500 m^2
- Mục đích sử dụng: Đọc các tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí
- Các trang thiết bị chính: Phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 10.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học. Tổng mức đầu tư trên 1,5 tỉ đồng do Nhà trường đầu tư. Phục vụ cùng một lúc trên 500 chỗ ngồi.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 03;
- Diện tích phòng: 150 m^2/phòng;
- Mục đích sử dụng: Dùng để báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ luận văn tốt nghiệp;
- Các trang thiết bị chính: Đầy đủ các trang thiết bị phục vụ hội thảo. Cho phép hội thảo trực tuyến qua mạng internet không phân biệt khoảng cách địa lý.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Du lịch tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra ở cấp độ chương trình. Từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

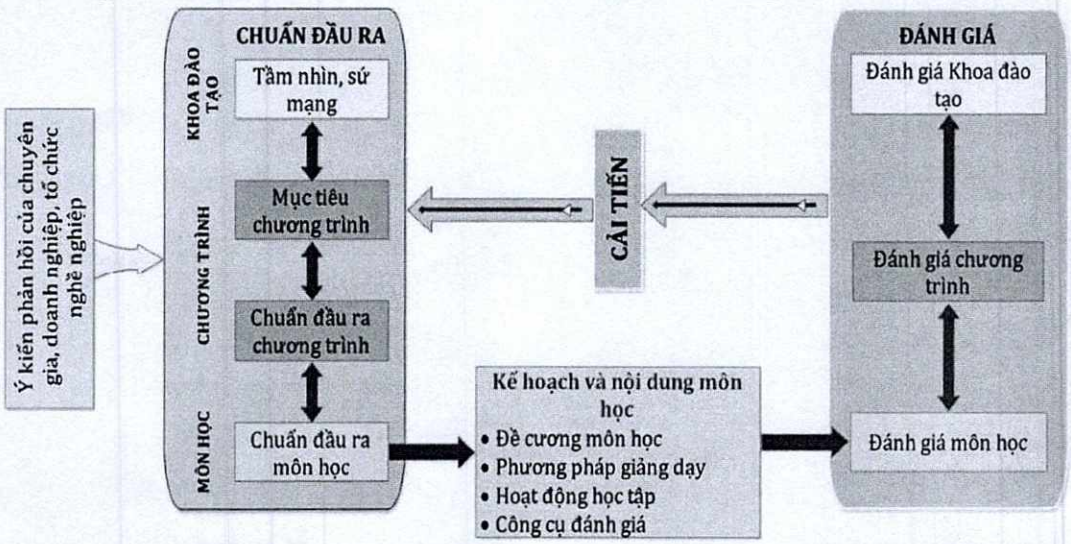

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Du lịch

Nguồn: Trường ĐH Công nghiệp HN

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Quản trị khách sạn cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 6.

Bảng 6. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy trực tuyến	Một số học phần lý thuyết giảng giảng thông qua video, audio, bài tập trắc nghiệp, bài tập tình huống… thông qua phần mềm học trực tuyến trên hệ thống đại học điện tử	Giảng dạy kết hợp, thuyết giảng, nghiên cứu tình huống, kiểm tra hoạt động học trực tuyến
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thực tế doanh nghiệp	Mô phỏng; Thực địa

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
nghiệm		
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân;

Nguồn: Trường ĐHCN HN

7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một cán bộ ngành QTKS;
- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viển để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng dạy;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần (L1, L2, L3…), chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT G1, G2, G3, G4...Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

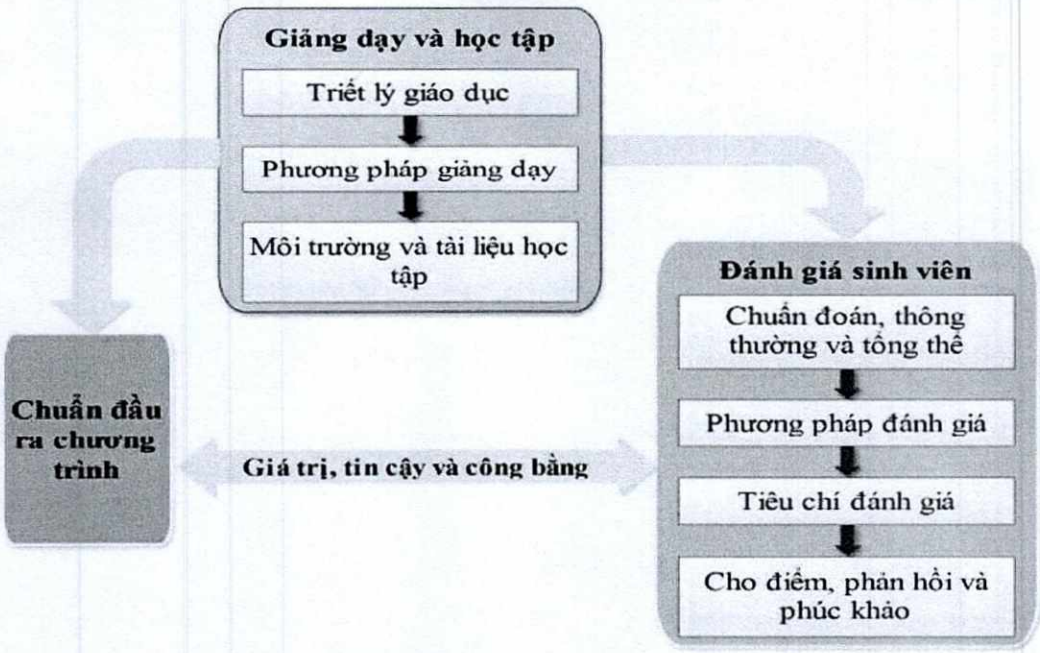

Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực QTKS và có khả năng mở rộng cho nhiều vị trí việc làm khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,… rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Bảng 7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		Lý thuyết	TH/TN	TL/ BTL/ĐA /TT	

Kiến thức Giáo dục đại cương	46	37	9	0	34,1
Kiến thức Cơ sở ngành	40	28	4	8	29,6
Kiến thức Chuyên ngành	34	16	13	5	25,2
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	11,1
Tổng cộng	**135**	**81**	**26**	**28**	

9.2. Nội dung chương trình

Bảng 8. Nội dung chương trình đào tạo ngành QTKS

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**46**	**35,0**	**2,0**	**9,0**	**0,0**
I.1		**Lý luận chính trị**	**10**	**10,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
1	LP6002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5,0	0,0	0,0	0,0
2	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2,0	0,0	0,0	0,0
3	LP6001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3,0	0,0	0,0	0,0
I.2		**Khoa học xã hội và nhân văn**	**14**	**12,0**	**2,0**	**0,0**	**0,0**
I.2.1		**Kiến thức bắt buộc**	**11**	**10,0**	**1,0**	**0,0**	**0,0**
1	LP6003	Pháp luật đại cương	2	2,0	0,0	0,0	0,0
2	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3,0	0,0	0,0	0,0
3	TO6038	Nghi thức xã hội	3	2,0	1,0	0,0	0,0
4	TO6001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3,0	0,0	0,0	0,0
I.2.2	TcDL1	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	**3**	***2,0***	***1,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6007	*Các nền văn minh thế giới*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
2	TO6057	*Tiến trình lịch sử Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
I.3		**Ngoại ngữ**	**5**	**5,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
1	FL6124	Tiếng Anh Du lịch 1	5	5,0	0,0	0,0	0,0
2	FL6125	Tiếng Anh Du lịch 2	5	5,0	0,0	0,0	0,0
3	FL6126	Tiếng Anh Du lịch 3	5	5,0	0,0	0,0	0,0
4	FL6127	Tiếng Anh Du lịch 4	5	5,0	0,0	0,0	0,0
5	FL6128	Tiếng Anh Du lịch 5	5	5,0	0,0	0,0	0,0
6	FL6129	Tiếng Anh Du lịch	5	5,0	0,0	0,0	0,0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I.4		**Toán học và Khoa học tự nhiên**	**5**	**3,0**	**0,0**	**2,0**	**0,0**
I.4.1		**Kiến thức bắt buộc**	**2**	**0,0**	**0,0**	**2,0**	**0,0**
4	TO6058	Tin học ứng dụng trong du lịch	2	0,0	0,0	2,0	0,0
I.4.2	TcDL2	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3,0***	***0,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6036	*Môi trường và phát triển*	*3*	*3,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*
2	TO6020	*Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*	*3*	*3,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*
3	BM6025	*Kinh tế vi mô*	*3*	*3,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*
4	BS6008	*Xác suất thống kê*	*3*	*3,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*
I.5	TcGDTC	**Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)**	**4**	**0,0**	**0,0**	**4,0**	**0,0**
1	PE6017	*Bóng bàn 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
2	PE6018	*Bóng bàn 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
3	PE6001	*Aerobic 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
4	PE6002	*Aerobic 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
5	PE6003	*Bóng chuyền 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
6	PE6004	*Bóng chuyền 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
7	PE6005	*Bơi 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
8	PE6006	*Bơi 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
9	PE6031	*Cầu mây 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
10	PE6032	*Cầu mây 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
11	PE6029	*Đá cầu 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
12	PE6030	*Đá cầu 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
13	PE6021	*Bóng rổ 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
14	PE6022	*Bóng rổ 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
15	PE6027	*Bóng đá 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
16	PE6028	*Bóng đá 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
17	PE6025	*Cầu lông 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
18	PE6026	*Cầu lông 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
19	PE6011	*Karate 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
20	PE6012	*Karate 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
21	PE6013	*Khiêu vũ 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
22	PE6014	*Khiêu vũ 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
23	PE6015	*Pencak Silat 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
24	PE6016	*Pencak Silat 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
25	PE6019	*Tennis 1*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
26	PE6020	*Tennis 2*	*1*	*0,0*	*0,0*	*1,0*	*0,0*
I.6		**Giáo dục quốc phòng - an ninh**	**8**	**5,0**	**0,0**	**3,0**	**0,0**
1	DC6001	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2,0	0,0	0,0	0,0
2	DC6003	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0,0	0,0	3,0	0,0
3	DC6002	Đường lối quân sự của Đảng	3	3,0	0,0	0,0	0,0
II		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**89**	**34,0**	**10,0**	**17,0**	**28,0**
II.1		**Kiến thức cơ sở**	**40**	**22,0**	**6,0**	**4,0**	**8,0**
II.1.1		**Kiến thức cơ sở khối ngành**	**18**	**12,0**	**1,0**	**2,0**	**3,0**
1	TO6044	Nhập môn du lịch	3	3,0	0,0	0,0	0,0
2	TO6055	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng du lịch	4	3,0	0,0	0,0	1,0
3	TO6059	Tổ chức sự kiện	4	2,0	0,0	2,0	0,0
4	LP6005	Luật du lịch	2	2,0	0,0	0,0	0,0
5	TO6022	Giao tiếp trong du lịch	3	2,0	1,0	0,0	0,0
6	TO6064	Tham quan tuyến điểm du lịch	2	0,0	0,0	0,0	2,0
II.1.2		**Kiến thức cơ sở ngành**	**22**	**10,0**	**5,0**	**2,0**	**5,0**
II.1.2.1		**Kiến thức bắt buộc**	**10**	**2,0**	**1,0**	**2,0**	**5,0**
1	TO6019	Địa lý du lịch	3	2,0	1,0	0,0	0,0
2	TO6028	Kỹ năng sơ cấp cứu	2	0,0	0,0	2,0	0,0
3	TO6073	Thực tập cơ sở ngành (DL)	5	0,0	0,0	0,0	5,0
II.1.2.2	*TcDL3*	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 12 tín chỉ)***	***12***	***8,0***	***4,0***	***0,0***	***0,0***
II.1.2.2.1	*TcDL31*	***Nhóm 31 (Chọn tối thiểu 9 tín chỉ)***	***9***	***6,0***	***3,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6015	*Di tích và danh thắng Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
2	TO6047	*Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	TO6060	*Tổng quan di sản thế giới*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
4	TO6006	*Các dân tộc Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
II.1.2.2.2	*TcDL32*	***Nhóm 32 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***2,0***	***1,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6023	*Giới thiệu âm nhạc Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
2	TO6080	*Giới thiệu mỹ thuật Việt Nam*	*3*	*2,0*	*1,0*	*0,0*	*0,0*
II.2		**Kiến thức chuyên ngành**	**34**	**12,0**	**4,0**	**13,0**	**5,0**
II.2.1		**Kiến thức bắt buộc**	**18**	**4,0**	**0,0**	**13,0**	**1,0**
1	TO6041	Hướng dẫn du lịch	2	2,0	0,0	0,0	0,0
2	TO6069	Thực hành hướng dẫn tham quan tại điểm	3	0,0	0,0	3,0	0,0
3	TO6068	Thực hành hướng dẫn du lịch trên tuyến	5	0,0	0,0	5,0	0,0
4	TO6067	Thực hành hướng dẫn du lịch chuyên biệt	3	0,0	0,0	3,0	0,0
5	TO6066	Thiết kế chương trình du lịch	2	0,0	0,0	2,0	0,0
6	TO6061	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	2,0	0,0	0,0	1,0
II.2.2	*TcDL4*	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 16 tín chỉ)***	***16***	***8,0***	***4,0***	***0,0***	***4,0***
II.2.2.1	*TcDL41*	***Nhóm 41 (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ)***	***6***	***4,0***	***2,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6021	*Điều hành chương trình du lịch*	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
2	TO6062	*Tư vấn và bán sản phẩm du lịch*	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
3	TO6043	*Nghiệp vụ trưởng đoàn du lịch*	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
II.2.2.2	*TcDL42*	***Nhóm 42 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***2,0***	***1,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6077	*Thương mại điện tử trong du lịch*	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
2	TO6035	*Marketing du lịch*	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
II.2.2.3	*TcDL43*	***Nhóm 43 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***2,0***	***1,0***	***0,0***	***0,0***
1	TO6016	Du lịch có trách nhiệm	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
2	TO6018	Du lịch tâm linh	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*
3	TO6017	Du lịch sinh thái	*3*	*2,0*	1,0	*0,0*	*0,0*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
II.2.2.4	*TcDL44*	***Nhóm 44 (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)***	***4***	***0,0***	***0,0***	***0,0***	***4,0***
1	TO6012	*Chuyên đề Khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch*	2	*0,0*	0,0	*0,0*	*2,0*
2	TO6008	*Chuyên đề Du lịch mạo hiểm*	2	*0,0*	0,0	*0,0*	*2,0*
3	TO6009	*Chuyên đề Du lịch outbound*	2	*0,0*	0,0	*0,0*	*2,0*
II.3		**Thực tập tốt nghiệp và làm đồ án/ khoá luận tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế đồ án/ khóa luận tốt nghiệp)**	**15**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**15,0**
1	TO6070	Thực tập doanh nghiệp (Du lịch)	*7*	0,0	0,0	0,0	7,0
2	TO6030	Khóa luận tốt nghiệp (Du lịch)	*8*	0,0	0,0	0,0	8,0
		Tổng toàn khoá (Du lịch)	**135**	**69,0**	**12,0**	**26,0**	**28,0**

9.3. Ma trận đối sánh

Bảng 9. Ma trận ánh xạ chuẩn đầu ra cấp độ 3 vạ chuẩn đầu ra theo năng lực

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
1	**Phần kiến thức và lập luận ngành**	
1.1	**Khối kiến thức khoa học cơ bản**	
1.1.1	Hiểu được kiến thức toán đại số và xác suất thống kê.	a
1.1.2	Hiểu và giải thích được kiến thức về lý luận chính trị.	a
1.1.3	Hiểu và vận dụng được kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn	a
1.2	**Khối kiến thức cơ sở ngành**	
1.2.1	Tổng hợp được kiến thức tổng quan về ngành du lịch và khách sạn	a
1.2.2	Phân tích được kiến thức cơ sở về kinh tế, marketing, kinh doanh và quản trị kinh doanh vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a
1.2.3	Vận dụng được kiến thức về nghi thức xã hội vào trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a
1.2.4	Giải thích được tâm lý khách du lịch để vận dụng vào hoạt động quản trị kinh và kinh doanh khách sạn.	b
1.2.5	Hiểu và áp dụng kiến thức về địa lý trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	a

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
1.3	**Khối kiến thức chuyên ngành**	
1.3.1	Hiểu, phân tích và áp dụng được các kiến thức nghiệp vụ nghề nghiệp trong các bộ phận của Khách sạn.	c
1.3.2	Hiểu và vận dụng được kiến thức về Nghiệp vụ kinh doanh trong quản lý và kinh doanh khách sạn.	c
1.3.3	Hiểu và phân tích được kiến thức về Quản trị kinh doanh trong lĩnh khách sạn.	e
1.3.4	Hiểu và giải thích được kiến thức về Giám sát, quản lý hoạt động trong các bộ phận của khách sạn.	e
1.3.5	Trình bày và tổng hợp được kiến thức về đảm bảo an ninh, an toàn trong khách sạn.	c
1.4	**Khối kiến thức bổ trợ**	
1.4.1	Giải thích được kiến thức về du lịch trách nhiệm và du lịch bền vững.	h
1.4.2	Vận dụng được kiến thức về nghiệp vụ văn phòng; hội nhập hóa, toàn cầu hóa và các giá trị đương đại vào hoạt động quản trị và kinh doanh trong khách sạn.	g
1.4.4	Hiểu và vận dụng được kiến thức về tổ chức sự kiện và quản trị sự kiện trong kinh doanh khách sạn.	c
2	**Phần kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất**	
2.1	**Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề**	
2.1.1	Có khả năng lập luận và tổng quát hóa vấn đề	f
2.1.2	Có khả năng phân tích và đánh giá vấn đề	f
2.1.6	Có khả năng đề xuất giải pháp và kiến nghị	f
2.2	**Nghiên cứu và khám phá tri thức**	
2.2.1	Xây dựng và hình thành các giả thuyết phù hợp với lĩnh vực khách sạn	d
2.2.2	Tìm kiếm, chọn lọc và tổng hợp thông tin tài liệu về lĩnh vực khách sạn	m
2.2.3	Ứng dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và làm khóa luận tốt nghiệp.	m
2.2.4	Giải thích và vận dụng các nghiên cứu trong thực tiễn vào hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	g
2.3	**Tư duy hệ thống**	
2.3.1	Có khả năng tư duy logic và tư duy phản biện trong quản trị và kinh doanh khách sạn.	m
2.3.2	Xác định được vấn đề ưu tiên trong quản trị và kinh doanh khách sạn	d
2.3.3	Phân tích và lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng.	d
2.3.4	Có ý thức tư duy phân tích đa chiều trong quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
2.4	**Phẩm chất cá nhân**	

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
2.4.1	Thể hiện được sự sẵn sàng, tự tin, chủ động và quyết đoán trong công việc.	h
2.4.2	Có tính trung thực, thân thiện và chu đáo trong công việc.	h
2.4.3	Hình thành khả năng tìm hiểu cái mới và có ý thức học tập và rèn luyện suốt đời.	k
2.4.4	Có ý thức tôn trọng sự khác biệt về văn hóa và phong tục tập quán	h
2.4.5	Hình thành ý thức lập kế hoạch, chuẩn bị cho công việc và cuộc sống.	k
2.5	**Kỹ năng và phẩm chất trong nghề nghiệp**	
2.5.1	Có hành vi chuyên nghiệp và có tư duy của người làm nghề dịch vụ	h
2.5.2	Có đạo đức nghề nghiệp, làm việc có trách nhiệm và tôn trọng pháp luật.	h
2.5.3	Có khả năng quản lý nguồn lực và thời gian.	d
2.5.4	Có lòng đam mê nghề nghiệp và khả năng chịu được áp lực cao trong công việc.	h
2.5.5	Có khả năng tự đánh giá năng lực, phẩm chất, kiến thức chuyên môn của bản thân và người khác.	i
2.5.6	Hình thành ý thức phát triển cá nhân và nghề nghiệp.	k
3	**Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp**	
3.1	**Làm việc theo nhóm**	
3.1.1	Có ý thức thành lập và xây dựng nhóm làm việc.	i
3.1.2	Có khả năng tổ chức và quản lý được các hoạt động nhóm.	i
3.1.3	Có kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau.	i
3.2	**Giao tiếp**	
3.2.1	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả	i
3.2.2	Sử dụng tốt giao tiếp đa truyền thông và giao tiếp điện tử	i
3.2.3	Có khả năng đàm phán và giải quyết xung đột hiệu quả.	i
4	**Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội**	
4.1	**Bối cảnh bên ngoài và xã hội**	
4.1.1	Nhận thức được vai trò và trách nhiệm của người làm nghề du lịch.	h
4.1.2	Phân tích được yếu tố tác động của ngành du lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường.	m
4.1.3	Nhận thức được bối cảnh lịch sử và văn hóa tác động đến ngành du lịch.	m
4.1.4	Nắm bắt được các vấn đề mang tính thời sự ảnh hưởng đến ngành du lịch.	l
4.2	**Bối cảnh nghề nghiệp và kinh doanh**	
4.2.1	Có ý thức tôn trọng sự khác biệt về văn hóa doanh nghiệp.	h
4.2.2	Có khả năng nắm bắt được chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp.	f

TT	Nội dung CĐR cấp độ 3	CĐR theo năng lực
4.2.3	Có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế.	i
4.3	**Hình thành ý tưởng áp dụng**	
4.3.1	Xác định rõ mục tiêu và yêu cầu của công việc quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.3.2	Xác định rõ đặc điểm đối tượng và môi trường làm việc.	d
4.3.3	Đề xuất được ý tưởng sáng tạo trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.4	**Lập kế hoạch triển khai công việc**	
4.4.1	Lập được kế hoạch cho quá trình thực hiện hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.4.2	Dự đoán được các rủi ro và đưa ra giải pháp thay thế trong hoạt động quản trị và kinh doanh du lịch	d
4.5	**Triển khai công việc**	
4.5.1	Có khả năng lựa chọn và đề xuất các phương pháp thực hiện trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
4.5.2	Có khả năng tiến hành mã hóa và chỉnh sửa các sai hỏng trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	f
4.5.3	Quản lý được quy trình triển khai hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	e
4.6	**Đánh giá chất lượng công việc**	
4.6.1	Thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.6.2	Đề xuất được phương án kiểm định được chất lượng công việc.	d
4.6.3	Tổng hợp ý kiến phản hồi và đưa ra phương án điều chỉnh trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d
4.6.4	Tổng kết, rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng trong hoạt động quản trị và kinh doanh khách sạn.	d

Bảng 10. Ma trận đối sánh học phần – chuẩn đầu ra CTĐT ngành QTKS

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
1	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác- Lênin	1.1.2 (T)
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1.1.2 (T)
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	1.1.3 (T)
4	Pháp luật đại cương	1.1.2 (T)
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2.2.1 (TU); 2.2.2 (TU); 2.3.1 (U); 4.6.1 (TU)
6	Nghi thức xã hội	1.2.3 (T); 2.3.1 (U); 2.4.1 (IU)
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	1.3.3. (T); 2.4.3 (TU); 2.4.4 (U)

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
8	Phong tục tập quán các nước trên thế giới	1.1.3 (T); 2.4.4 (TU)
9	Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	1.1.3 (T); 2.4.4 (TU)
10	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn	3.2.1 (TU); 4.2.3 (TU)
11	Tin học ứng dụng trong du lịch	1.4.2 (T); 3.2.2 (U)
12	Môi trường và phát triển	1.4.1 (T); 4.1.1 (TU); 4.1.2 (TU); 4.1.4 (I)
13	Kinh tế vi mô	1.1.3 (T); 2.1.1 (TU); 4.6.1 (U)
14	Xác suất thống kê	1.1.1 (T)
15	Nhập môn du lịch	1.2.1 (T); 3.1.1 (T); 4.1.1 (IU)
16	Tham quan các mô hình lưu trú	1.2.1 (TU); 2.5.6 (TU); 3.1.1 (TU)
17	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch	1.2.4 (T); 4.3.2 (TU)
18	Marketing du lịch	1.2.2 (T); 3.2.2 (U)
19	Kinh tế du lịch	1.2.1 (IU); 1.2.2 (T); 2.3.1 (IU)
20	Luật trong du lịch	1.1.3 (T); 2.5.2 (TU); 4.1.1 (U)
21	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	1.3.5 (T); 2.1.2 (U)
22	Thực tập cơ sở ngành (QTKS)	2.4.2 (U); 2.4.4 (U); 2.5.1 (U); 2.5.6 (U); 3.1.1 (TU); 4.3.2 (U)
23	Địa lý du lịch	1.2.5 (T); 4.1.2 (U)
24	Du lịch có trách nhiệm	1.4.1 (T); 2.3.3 (TU); 2.5.2 (TU)
25	An ninh, an toàn trong khách sạn	1.3.5 (T); 2.3.4 (TU); 2.5.2 (TU)
26	Kinh doanh khách sạn	1.3.2 (T); 2.3.4 (U); 4.3.1 (TU)
27	Quản trị bộ phận buồng	1.3.3 (T); 1.3.4 (T); 2.3.2 (TU)
28	Quản trị bộ phận tiền sảnh	1.3.3 (T); 1.3.4 (T); 2.3.2 (TU)
29	Quản trị bộ phận ẩm thực	1.3.3 (T); 1.3.4 (T); 2.3.2 (TU)
30	Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ	1.3.3 (T); 1.3.4 (T); 4.4.2 (TU)
31	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	1.3.2 (T); 2.3.2 (U); 4.1.4 (IU)
32	Nghiệp vụ buồng	1.3.1 (T); 2.4.1 (TU); 2.4.5 (TU); 4.3.2 (TU)
33	Nghiệp vụ bàn	1.3.1 (TU); 2.4.1 (TU); 2.4.5 (TU); 4.3.2 (TU)
34	Pha chế đồ uống	1.3.1 (T); 2.4.5 (TU); 4.3.2 (TU)
35	Lễ tân khách sạn	1.3.1 (T); 2.4.1 (TU); 2.4.5 (TU); 4.3.2 (TU)
36	Thực tập chuyên ngành khách sạn	2.5.1 (U); 2.5.3 (TU); 2.5.5 (U); 4.2.1 (U)
37	Quản trị nhân lực	2.3.2 (U); 4.4.1 (T)
38	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	2.3.2 (U); 4.3.3 (T)

TT	Học phần	CĐR ngành QTKS (viết rõ I,T,U)
39	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	1.3.1 (T); 3.2.3 (TU); 4.6.3 (U)
40	Thanh toán quốc tế trong du lịch	1.1.3 (T); 1.4.2 (TU); 4.2.3 (U)
41	Thương mại điện tử trong du lịch	2.2.4 (TU); 3.2.2 (U)
42	Xúc tiến du lịch	1.2.2 (T); 4.1.4 (TU)
43	Tổ chức sự kiện	1.4.4 (TU); 2.4.5 (U); 3.1.1 (TU)
44	Giao tiếp trong du lịch	3.2.1 (T); 3.2.2 (T); 3.2.3 (T)
45	Lễ tân ngoại giao	1.2.3 (T); 2.5.6 (IU)
46	Thư ký văn phòng	1.4.2 (T)
47	Kế toán doanh nghiệp du lịch	1.3.1 (T)
48	Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	2.5.6 (U); 4.3.3 (TU); 4.5.1 (TU)
49	Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	4.2.2 (T); 4.3.3 (T); 4.5.1 (TU)
50	Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	2.4.2 (TU); 2.5.2 (TU)
51	Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn	1.2.3 (U); 2.4.1 (U); 2.5.3 (U); 2.5.4 (U); 3.1.1 (U); 3.2.2 (U); 3.2.3 (U); 4.5.1 (U); 4.5.2 (U); 4.6.4 (U)
52	Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	2.1.1 (U); 2.1.2 (U); 2.1.6 (U); 2.2.1 (U); 2.2.2 (U); 2.2.3 (U); 2.3.1 (U); 2.4.3 (U); 4.6.1 (U); 4.6.2 (U); 4.6.3 (U)

9.4. Sơ đồ tiến trình đào tạo

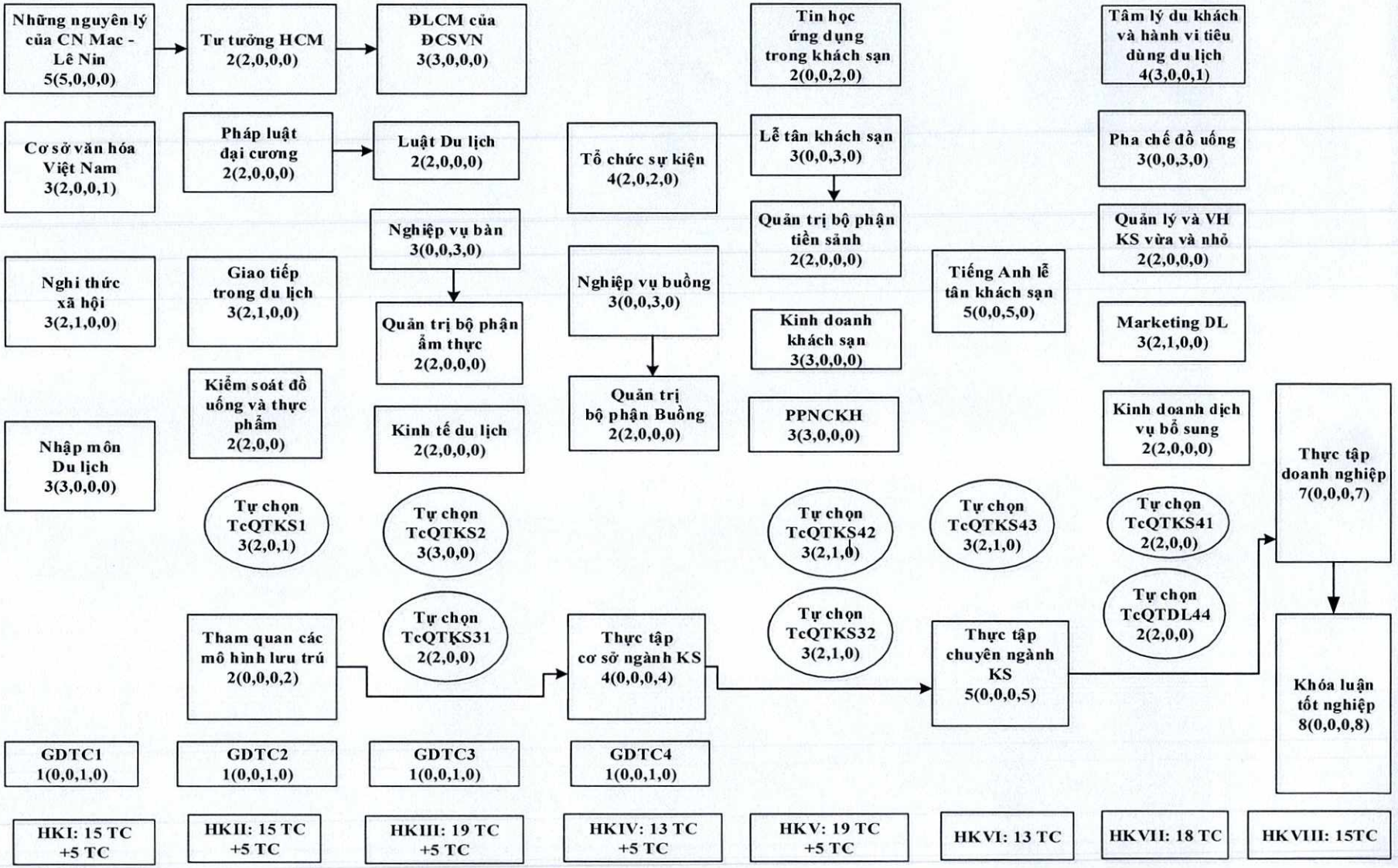

9.5. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

9.5.1. Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác- Lênin

Mã học phần: LP6002

Số tín chỉ: 5(5,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin như: Các nguyên lý; phạm trù; quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy; những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự tất yếu hình thành của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa... Từ đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học khác trong chuyên ngành được đào tạo.

9.5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: LP6004

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức về quá trình hình thành, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Những vấn đề cơ bản đó là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản, nhà nước, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, vấn đề đạo đức, văn hóa, nhân văn... đó là cơ sở lý luận định hướng tư duy và hành động cho sinh viên trong quá trình học tập rèn luyện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

9.5.3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Mã học phần: LP6001

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành đường lối và quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó nhấn mạnh đường lối chỉ đạo của Đảng về một số vấn đề như chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao… trong giai đoạn hội nhập. Học phần còn giúp sinh viên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, niềm tự hào dân tộc, trang bị kỹ năng tư duy, khả năng phân tích và xử lý các vấn đề, có thái độ tích cực trong lao động và học tập.

9.5.4. Pháp luật đại cương

Mã học phần: LP6003

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của hoc phần gồm các vấn đề: Quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng... Bên cạnh đó học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xử lý tình huống pháp luật trong thực tế, điều chỉnh hành vi theo đúng quy định của pháp luật và nhận thức được vai trò của mình trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo lập cho sinh viên thái độ tôn trọng pháp luật.

9.5.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: BM6046

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo các ngành nghề du lịch ở trình độ đại học. Nội dung học phần mô tả những kiến thức lí luận chung về phương pháp nghiên cứu khoa học. Cung cấp sâu cho người học những phương pháp nghiên cứu, quy trình và cấu trúc của đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch.

9.5.6. Nghi thức xã hội

Mã học phần: TO6038

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và quy tắc trong giao tiếp và ứng xử một cách văn minh, lịch sự và có văn hóa. Từ cách đi lại, nói năng, cử chỉ, điệu bộ, trang phục, cách ngồi, cách ăn, ứng xử với mọi người… Từ đó, giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp, chu đáo, cẩn thận của người làm nghề dịch vụ.

9.5.7. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã học phần: TO6001

Số tín chỉ: 3(2,0,1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Trong đó, nhấn mạnh đến đặc trưng văn hóa của các vùng miền, đề cập đến vai trò của văn hóa trong các tổ chức đời sống tập thể và cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường và xã hội. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện được đặc trưng văn hóa vùng miền, quy luật văn hóa, diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; bồi dưỡng thái độ biết trân trọng những giá trị văn hóa, có ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

9.5.8. Phong tục tập quán các nước trên thế giới

Mã học phần: TO6046

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên có một bức tranh tổng quát về phong tục tập quán các nước trên thế giới. Thông qua đó hiểu được giá trị văn hóa trong phong tục tập quán các quốc gia trên thế giới. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản để nhận biết, đánh giá được giá trị các hiện tượng văn hóa diễn ra hàng ngày thông qua phong tục tập quán của từng quốc gia. Học phần cũng giúp sinh viên có khả năng trình bày về một hiện tượng văn hóa của một quốc gia trước mọi người.

9.5.9. Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam

Mã học phần: TO6037

Số tín chỉ: 3(2,1,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về về sự phát triển văn hóa ẩm thực Việt Nam, những nét đặc trưng, độc đáo của ẩm thực Việt Nam về nguyên liệu và nghệ thuật chế biến, nghệ thuật bài trí, cách thưởng thức ẩm thực của Việt Nam cũng như xu thế biến đổi văn hóa ẩm thực của người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Học phần còn giúp sinh viên củng cố lòng tự hào về bản sắc dân tộc, rèn luyện thái độ tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt trong nghệ thuật ẩm thực nói riêng và văn hóa nói chung giữa các vùng miền khác nhau của nước ta và giữa các quốc gia khác nhau trên thế giới.

9.5.10.Tiếng Anh Lễ tân khách sạn

Mã học phần: FL6147

Số tín chỉ: 5(5;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức cơ bản về chuyên ngành quản trị khách sạn, giúp cho người học có thể liên kết những ngôn ngữ đã được học với kinh nghiệm thực tế trong công việc liên quan đến chuyên ngành của mình. SV được luyện tập

các kỹ năng cơ bản, trong đó đặc biệt chú trọng đến kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu và giao tiếp trong những tình huống liên quan tới công việc của người lao động trong ngành lưu trú. Sau khi kết thúc học phần, SV củng cố được các kiến thức ngữ pháp cơ bản và mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành thông dụng (khoảng 500 thuật ngữ) tương ứng với yêu cầu sử dụng tiếng Anh chuyên ngành.

9.5.11.Tin học ứng dụng trong du lịch

Mã học phần: TO6058

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và kỹ năng sử dụng phần mềm quản lý khách sạn như một công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc quản lý các bộ phận khác nhau trong khách sạn thông qua việc thực hành sử dụng các chức năng của phần mềm như : Quản lý thuê phòng, Quản lý nhân viên, Quản lý khách hang, Quan ly tiện nghi, Lập hóa đơn, Lập báo cáo, Quản lý phòng, Quản lý dịch vụ, Quản lý tài khoản.

9.5.12.Môi trường và phát triển

Mã học phần: TO6036

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, đa dạng sinh học, tài nguyên, phát triển, tình hình chung về các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí trên thế giới cũng như ở Việt Nam, những nguyên nhân và hệ quả của việc suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vai trò của con người trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và mối quan hệ giữa môi trường và phát triển từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người và môi trường, những vấn đề về bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên phục vụ phát triển bền vững.

9.5.13.Kinh tế vi mô

Mã học phần: BM6025

Số tín chỉ: 3 (3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các qui luật kinh tế cơ bản như qui luật cung-cầu, qui luật cạnh tranh...Học phần còn đề cập đến hành vi của người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ.

9.5.14.Xác suất thống kê

Mã học phần: BS6008

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm hai phần: Lý thuyết xác suất và Thống kê toán.

- Phần Lý thuyết xác suất giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất, các công thức tính xác suất, khái niệm đại lượng ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thường gặp.

- Phần Thống kê toán giới thiệu cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các đặc trưng mẫu, bài toán ước lượng tham số tổng thể và bài toán kiểm định giả thiết.

Nội dung học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu một số môn học chuyên ngành liên quan.Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, kỹ năng phân tích và ra quyết định.

9.5.15.Nhập môn du lịch

Mã học phần: TO6044

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về ngành du lịch bao gồm tất cả các lĩnh vực, từ lữ hành đến lưu trú và ẩm thực; lịch sử ngành du lịch nói chung của thế giới và Việt Nam, tác động của du lịch đến kinh tế, môi trường và ngược lại. Cung cấp các khái niệm cơ bản, các loại hình du lịch, nhu cầu du lịch và sản phẩm du lịch, thời vụ du lịch; một số loại hình lưu trú du lịch tiêu biểu, các dịch vụ, cơ sở vật chất kỹ thuật. Ngoài ra, còn định hướng cho sinh viên hiểu rõ muốn thành công trong ngành các em cần phải biết tự hoàn thiện cho mình những kỹ năng cốt lõi, kỹ năng bổ trợ cũng như các phương pháp học tập.

9.5.16.Tham quan các mô hình lưu trú

Mã học phần: TO6063

Số tín chỉ: 2(0,0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giới thiệu cho sinh viên một số mô hình lưu trú phổ biến trong hoạt động du lịch đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về điều kiện phát triển của các loại hình lưu trú trong kinh doanh du lịch; các định hướng học tập và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực du lịch nói chung và hoạt động kinh doanh, phục vụ lưu trú nói riêng. Học phần được thực hiện thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế về các mô hình lưu trú từ đó giúp rèn luyện ý thức tìm hiểu và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh khách sạn.

9.5.17.Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch

Mã học phần: TO6055

Số tín chỉ: 4(4;0;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng, chuyên sâu về lĩnh vực tâm lý và hành vi tiêu dùng của khách du lịch. Sinh viên có khả năng nhận dạng, giải thích và ra quyết định marketing đúng đắn nhằm gây ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua và tiêu dùng sản phẩm dịch vụ du lịch của khách du lịch khi mình là những nhà quản trị marketing, rộng hơn nữa là những nhà quản trị doanh nghiệp. Đồng thời sinh viên có khả năng tiến hành các cuộc nghiên cứu về khách du lịch từ khâu lập kế hoạch nghiên cứu, xây dựng phiếu điều tra, tổ chức hội nghị khách hàng, tiến hành điều tra, xử lý kết quả và đưa ra những thông tin quan trọng giúp nhà quản trị điều chỉnh chiến lược marketing du lịch cho hiệu quả.

9.5.18.Marketing du lịch

Mã học phần: TO6035

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần củng cố các kiến thức marketing căn bản, trang bị cho sinh viên những kiến thức về marketing du lịch, những kinh nghiệm thực tế về marketing du lịch tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, các điểm, khu, đô thị du lịch tại Việt Nam hiện nay từ đó có thể phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và những rủi ro trong quá trình marketing du lịch và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả marketing du lịch.

9.5.19.Kinh tế du lịch

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh tế trong lĩnh vực du lịch, các phương pháp luận trong nghiên cứu kinh tế du lịch, cách thức xác định và phân tích những biến số kinh tế cơ bản trong thị trường du lịch như cung du lịch, cầu du lịch và đầu tư ngành du lịch…Học phần cũng giúp người học hiểu được tác động qua lại giữa ngành du lịch với các ngành kinh tế khác qua đó người học hiểu được vai trò của kinh tế du lịch trong tổng thể kinh tế chung của điểm đến.

9.5.20.Luật trong du lịch

Mã học phần: TO6027

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Luật đại cương

Chương trình học phần Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, dùng đào tạo trình độ hệ cao đẳng, đại học chuyên nghiệp cung cấp những vấn đề cơ bản về du lịch như bộ máy tổ chức và quản lý du lịch Việt Nam, tài nguyên du lịch, các vấn đề luật pháp của ngành khách sạn, nhà hàng và lữ hành, môn học sẽ phân tích các thủ tục pháp lý trong hoạt động kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng, xúc tiến du lịch và trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực du lịch.

9.5.21.Kiểm soát đồ uống và thực phẩm

Mã học phần: TO6024

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quát về đồ uống và thực phẩm, từ đó vận dụng kiến thức đã học để nhận diện, so sánh, phân loại và đánh giá được chất lượng hàng thực phẩm, hàng công nghệ phẩm và vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm trong nhà hàng.

9.5.22.Thực tập cơ sở ngành (QTKS)

Mã học phần:

Số tín chỉ: 4(0,0,4)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Tham quan các mô hình lưu trú

Học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội trau dồi các nghiệp vụ cơ bản trong các bộ phận của khách sạn: Nghiệp Lễ tân; Nghiệp vụ Buồng; Nghiệp vụ Bàn và nghiệp vụ pha chế mà sinh viên đã được học thực hành trước đó…. Học phần được thực hiện thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn nhằm hình thành thái độ, kỹ năng nghề nghiệp trong mỗi vị trí việc làm.

9.5.23.Địa lý du lịch

Mã học phần: TO6075

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về hệ thống lãnh thổ du lịch (hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch) cho sinh viên ngành du lịch, quản trị kinh doanh dịch vụ và lữ hành, ngành quản trị và kinh doanh khách sạn. Với cách tiếp cận điểm đến, người học có khả năng phân tích, đánh giá các điều kiện phát triển du lịch ở từng điểm du lịch, từng vùng du lịch cụ thể, từ đó định hướng hình thành và xây dựng các chương trình du lịch, góp phần phát triển năng lực thực hiện, điều hành, quản lý hoạt động du lịch. Học phần cung cấp các kĩ năng nhằm tăng khả năng thành công của người làm du lịch tương lai

bằng cách nhận thức được trách nhiệm của người làm nghề du lịch, từ đó đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp và hành động.

9.5.24.Du lịch có trách nhiệm

Mã học phần: TO6016

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần xây dựng chương trình du lịch gồm 4 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch có trách nhiệm như vai trò, nguyên tắc của du lịch có trách nhiệm. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ trách nhiệm trong hoạt động du lịch và những danh hiệu du lịch có trách nhiệm cũng như lợi ích của việc công nhận tôn vinh du lịch có trách nhiệm. Học phần cũng đưa ra các phương pháp, công cụ cơ bản để phát triển du lịch bền vững để người học có hướng tiếp cận thực tế và dễ áp dụng trong hoạt động nghề nghiệp du lịch trong tương lai.

9.5.25.An ninh, an toàn trong khách sạn

Mã học phần: TO6005

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các qui định về an toàn an ninh trong khách sạn, qui trình thực hiện các qui định đó, trong đó trọng tâm là các qui định về phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm, an ninh thông tin của khách và khách sạn, tổ chức và quản lý đồ khách bỏ quên.

9.5.26.Kinh doanh khách sạn

Mã học phần: TO6026

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ trong kinh doanh khách sạn, dịch vụ; việc tổ chức điều hành và lập kế hoạch kinh doanh các loại hình dịch vụ trong khách sạn như lưu trú, ăn uống, dịch vụ bổ sung, thanh quyết toán các hợp đồng kinh doanh khách sạn.

9.5.27.Quản trị bộ phận buồng

Mã học phần: TO6050

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tổ chức bộ phận buồng, quản trị nhân sự bộ phận buồng, quản trị cơ sở vật chất của bộ phạn buồng, quản lý an toàn lao động và an ninh trong khu vực lưu trú và các yếu tố ảnh hưởng tới quản trị buồng khách sạn trong kinh doanh khách sạn. Đồng thời học phần giúp sinh viên có ý thức rèn luyện kỹ năng, thái độ đúng đắn để trở thành quản lý buồng khách sạn trong tương lai.

9.5.28.Quản trị bộ phận tiền sảnh

Mã học phần: TO6051

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về nhiệm vụ, chức năng và quy trình vận hành của bộ phận tiền sảnh trong mối liên hệ chặt chẽ với các bộ phận/đơn vị bên trong và bên ngoài khách sạn; công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung công việc trong bộ phận; công tác tuyển dụng, đào tạo, kiểm tra, đánh giá hoạt động của nhân viên trong bộ phận; qui trình xử lý một số tình huống thường gặp đối với nhà quản lý bộ phận tiền sảnh khách sạn.

9.5.29.Quản trị bộ phận ẩm thực

Mã học phần: TO6049

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tổng quan về dịch vụ ăn uống trong khách sạn, những kỹ năng tổ chức, quản lý vận hành khối dịch vụ ăn uống bao gồm các nhà hàng, quán bar; các hoạt động liên quan đến phục vụ ăn uống khác trong khách sạn, hoạt động quản lý trang thiết bị dụng cụ, kỹ thuật xây dựng giá đồ uống, đồ ăn, hoạt động tổ chức nhân sự phục vụ tại các điểm phục vụ ăn uống, nội dung quy trình và các hình thức phục vụ, mối liên hệ giữa các bộ phận phục vụ ăn uống với nhau và giữa bộ phận phục vụ ăn uống với các bộ phận khác trong khách sạn. Đồng thời học phần cũng cung cấp kiến thức về hoạt động kiểm tra đánh giá chất lượng phục vụ ăn uống bao gồm; nhân viên phục vụ, chất lượng đồ ăn, đồ uống, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

9.5.30.Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ

Mã học phần: TO6048

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức quản lý vận hành trực tiếp hoặc gián tiếp khách sạn vừa và nhỏ trong hoạt động phục vụ khách bao gồm hoạt động của các bộ

phận lễ tân, buồng phòng, phục vụ ăn uống, kế toán, nhân sự, marketing và bán hàng; một số tình huống thường gặp trong nhà hàng – khách sạn.

9.5.31.Kinh doanh dịch vụ bổ sung

Mã học phần: TO6025

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về dịch vụ bổ sung trong kinh doanh khách sạn bao gồm nhóm dịch vụ bổ sung phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của khách, dịch vụ bổ sung mang tính chất giải trí, dịch vụ bổ sung phục vụ cho khách đặc biệt và dịch vụ bổ sung của khách sạn có tính nâng cao tiện nghi sinh hoạt cho khách. Đồng thời học phần trang bị cho người học kỹ năng tổ chức và vận hành các dịch vụ bổ sung thuộc các nhóm nêu trên, hoạt động kiểm tra đánh giá chất lượng dịch vụ bổ sung, chiến lược và hoạt động tổ chức kinh doanh những dịch vụ này trong khách sạn.

9.5.32.Nghiệp vụ buồng

Mã học phần: TO6040

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức về bộ phận buồng khách sạn, các qui trình phục vụ buồng và rèn luyện cho người học những kỹ năng nghiệp vụ trong quy trình phục vụ buồng trong khách sạn như kỹ năng chăm sóc và quản lý đồ vải, kỹ năng vệ sinh buồng khách, kỹ năng phục vụ khu vực công cộng trong khách sạn, kỹ năng xử lý một số tình huống thường gặp trong quá trình phục vụ khách lưu trú của nhân viên buồng… đồng thời giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp, chu đáo, cẩn thận của người làm nghề dịch vụ.

9.5.33.Nghiệp vụ bàn

Mã học phần: TO6039

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần củng cố các kiến thức về bộ phận buồng khách sạn và cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng tổ chức và phục vụ ăn uống trong nhà hàng như kỹ năng gập khăn ăn, vệ sinh đồ dụng dụng cụ, kỹ năng bày bàn ăn theo kiểu Âu, kiểu Á; quy trình phục vụ theo món ăn tự chọn, món ăn định sẵn, tiệc ngồi theo mâm, tiệc đứng buffet; quy trình phục vụ các loại đồ uống trong nhà hàng, các bước chuẩn bị phục vụ, xử lý tình huống thường gặp trong kinh doanh nhà hàng, hoạt động tiếp nhận và xử lý thông tin ăn uống, hoạt động thanh toán, tiễn khách và thu dọn đồ.

9.5.34.Pha chế đồ uống

Mã học phần: TO6045

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức trong quá trình phục vụ đồ uống như tiêu chuẩn của nhân viên phục vụ đồ uống, các loại đồ uống không cồn bao gồm những nhóm đồ uống nóng, lạnh của trà và cà phê, các loại nước hoa quả, sinh tố, nước khoáng và đồ uống có cồn nhờ quá trình lên men, lên men rồi chưng cất, lên men chưng cất rồi pha trộn cùng với những kỹ năng pha chế đồ uống cocktail, mocktail thông qua các phương pháp pha chế trực tiếp, pha trộn, dùng máy xay, dùng bình lắc, pha tầng. Ngoài ra người học còn trang bị những kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình phục vụ, những kiến thức về đạo đức nghề nghiệp, kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, quản lý, đánh giá chất lượng sản phẩm và công cụ dụng cụ phục vụ.

9.5.35.Lễ tân khách sạn

Mã học phần: TO6033

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho người học hình thành những kiến thức và kỹ năng nghề cơ bản của nhân viên làm việc tại bộ phận tiền sảnh trong khách sạn. Phần kiến thức sẽ giúp sinh viên nắm bắt những kiến thức liên quan đến tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận tiền sảnh trong tổng thểhoạt động của khách sạn. Phần kỹ năng giúp cho sinh viên hình thành những tiêu chuẩn về kỹ năng nghiệp vụ tại bộ phận lễ tân bao gồm công tác chuẩn bị ca làm làm việc, sắp xếp đồ dùng, thực hiện nghiệp vụ tổng đài điện thoại, nhận đặt phòng, đăng ký nhận phòng, thiết lập và duy trì tài khoản theo dõi các chi phí trong suốt thời gian lưu trú, công tác xử lý thông tin và phục vụ trong thời gian khách lưu trú, công tác thu ngân và làm thủ tục cho khách trả phòng, xây dựng cơ sở dữ liệu khách để thực hiện công tác chăm sóc khách hàng … Đồng thời học phần sẽ giúp sinh viên rèn luyện thái độ và tác phong chuyên nghiệp, chu đáo, cẩn thận của người làm nghề dịch vụ.

9.5.36.Thực tập chuyên ngành khách sạn

Mã học phần: TO6076

Số tín chỉ: 5(0,0,5)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cơ sở ngành khách sạn

Học phần giúp sinh viên khái quát hóa và tổng hợp được các kiến thức, kỹ năng trong nghề Khách sạn đã được học và trau dồi thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế các hình thức kinh doanh lưu trú theo dọc tuyến điểm du lịch Việt Nam. Qua đó, người học có thể

so sánh, phân tích, đúc rút và tích lũy thêm kinh nghiệm về hoạt động quản trị và kinh doanh Khách sạn. Đồng thời, học phần còn giúp người học xác định được hướng đi chuyên sâu về nghề nghiệp cũng như địa bàn làm việc sau khi ra trường.

9.5.37.Quản trị nhân lực

Mã học phần: BM6059

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: vai trò, chức năng của công tác quản trị nhân lực trong doanh nghiệp, những tác động của luật pháp, công nghệ, cạnh tranh…tới quản trị nhân lực; các nội dung của quản trị nhân lực như phân tích công việc và định mức lao động, lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên, xây dựng chính sách và thực hiện các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động du lịch, xử lý các quan hệ lao động…

9.5.38.Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch

Mã học phần: TO6052

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch như bản chất về dịch vụ vàchất lượng dịch vụ du lịch; các mô hình cung ứng dịch vụ du lịch chất lượng; hệ thống tiêu chí đánh giá và đo lường chất lượng dịch vụ du lịch; qui trình quản trị chất lượng trong kinh doanh dịch vụ du lịch từ xác định mục tiêu và chính sách chất lượng dịch vụ, hoạch định, đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ đến giám sát và đánh giá để phát hiện lỗi trong quá trình sáng tạo và cung ứng dịch vụ du lịch.

9.5.39.Tư vấn và bán sản phẩm du lịch

Mã học phần: TO6062

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cụ thể về nghiệp vụ tư vấn và bán sản phẩm du lịch: Vị trí, vai trò và chức năng của hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; phân loại hoạt động tư vấn và bán sản phẩm du lịch; quy trình tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Ngoài ra người học được thực hành các nghiệp vụ cơ bản khi tư vấn và bán sản phẩm du lịch. Học phần cũng góp phần bồi dưỡng lòng đam mê của người học với vị trí nghề nghiệp này.

9.5.40.Thanh toán quốc tế trong du lịch

Mã học phần: TO6065

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về thanh toán quốc tế trong du lịch, bao gồm: các vấn đề cơ bản về thanh toán quốc tế như đặc điểm, vai trò và cán cân thanh toán quốc tế; các vấn đề về tỷ giá hối đoái như khái niệm, phân loại, phương pháp công bố, phương pháp xác định, thị trường hối đoái; và trọng tâm là các phương tiện thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch như thương phiếu, séc, thẻ ngân hàng…

9.5.41.Thương mại điện tử trong du lịch

Mã học phần: TO6077

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện trong kinh doanh du lịch.

9.5.42.Xúc tiến du lịch

Mã học phần: TO6079

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những nền tảng kiến thức liên quan đến xúc tiến trong du lịch, đặc biệt nhấn mạnh việc sáng tạo ý tưởng, xây dựng thông điệp và lập kế hoạch xúc tiến hỗn hợp, các hình thức xúc tiến phổ biến và hoạt động xúc tiến điểm đến du lịch.

9.5.43.Tổ chức sự kiện

Mã học phần: TO6059

Số tín chỉ: 4(2,2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm, mục đích, yêu cầu và phân loại sự kiện và tổ chức sự kiện, ý nghĩa của hoạt động tổ chức sự kiện, những nhân tố tác động đến hoạt động tổ chức sự kiện và quy trình tổ chức sự kiện. Học phần cũng giúp hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng như thiết kế ý tưởng sự kiện, lập kế hoạch tổ chức sự kiện, thực hiện các giai đoạn trước, trong và sau của hoạt động tổ chức sự kiện.

9.5.44.Giao tiếp trong du lịch

Mã học phần: TO6022

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo các ngành nghề du lịch ở trình độ đại học. Nội dung học phần mô tả những kiến thức lí luận chung về giao tiếp trong du lịch. Cung cấp sâu cho người học những kĩ năng giao tiếp của người quản lí, nhân viên phục vụ của các bộ phận trong các tổ chức, doanh nghiệp du lịch.

9.5.45.Lễ tân ngoại giao

Mã học phần: TO6034

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức về hoạt động lễ tân ngoại giao như: quy tắc trong việc tổ chức một cuộc tiếp xúc, một cuộc chiêu đãi, viếng thăm của người đứng đầu nhà nước, người đứng đầu chính phủ hay bộ trưởng ngoại giao. Những quy định, thủ tục về đón và chiêu đãi khách của chính phủ, đón đại sứ mới; cách sử dụng những biểu tượng quốc gia trong giao lưu quốc tế (quốc ca, quốc kì, quốc huy, quốc hiệu, quốc thiều); ngôi thứ và cách xếp chỗ ngồi trong các hội nghị, hội thảo quốc tế. Từ đó giúp người học hình thành thói quen, kỹ năng ứng xử đúng mực, phù hợp, khôn khéo, trong các sự kiện ngoại giao đồng thời hiểu được ý nghĩa, vai trò của lễ tân ngoại giao trong việc phát triển quan hệ hợp tác quốc tế, thực hiện chính sách đối ngoại của quốc gia.

9.5.46.Thư ký văn phòng

Mã học phần: BM6079

Số tín chỉ: 2(2;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thư ký văn phòng nhằm cung cấp cho người học phẩm chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các công tác trợ giúp của một nhân viên văn phòng trong các cơ quan, tổ chức.

9.5.47.Kế toán doanh nghiệp du lịch

Mã học phần: AA6009

Số tín chỉ: 2(2;0;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần thuộc nhóm các môn học cơ sở áp dụng cho chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này gồm có 9 chương, phản ánh tổng quát toàn bộ quá trình

hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong đơn vị kinh doanh du lịch – khách sạn từ lí luận cơ bản đến hạch toán các nghiệp vụ cụ thể liên quan đến: kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí kinh doanh và tính giá thành trong kinh doanh du lịch; kế toán doanh thu, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp du lịch,… Đồng thời, học phần còn cung cấp cho người học những quy định chung, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính. Và kèm theo các nội dung đó là các ví dụ minh họa để người học dễ liên hệ với thực tiễn.

9.5.48.Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch

Mã học phần: TO6012

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản, thực tế về khởi nghiệp trong du lịch như: Tổng quan về doanh nghiệp du lịch và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch; kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch marketing, kế hoạch tài chính giúp người có thể bắt đầu sự nghiệp kinh doanh du lịch của mình. Học phần cũng trang bị những kiến thức nền tảng và xây dựng một tâm lý chịu đựng cho người mới khởi sự như: vấn đề phá sản, những dấu hiệu của phá sản, tái cấu trúc, sự cần thiết của tái cấu trúc doanh nghiệp du lịch... Báo cáo chuyên đề là bước khởi đầu giúp cho người học nhận ra hoài bão khởi nghiệp, phát hiện ra khả năng của bản thân và nhận ra sứ mệnh to lớn của việc làm giàu từ con đường khởi nghiệp. Với sự hướng dẫn của các chuyên gia - nhà kinh doanh du lịch thành công, người học được truyền cho khát khao và ước mơ hoàn thiện bản thân để vươn đến thành công và hạnh phúc, tạo ra nhiều giá trị vật chất, rèn luyện tinh thần thép, xây dựng đạo đức kinh doanh và được cộng đồng thừa nhận.

9.5.49.Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn

Mã học phần: TO6011

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề cung cấp kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược như khái niệm và qui trình hoạch định chiến lược đồng thời phân tích các mô hình hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn tại Việt Nam và Thế giới.

9.5.50.Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn

Mã học phần: TO6010

Số tín chỉ: 2(0;0;2)

Loại chuyên đề: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Chuyên đề giới thiệu những chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù nghề khách sạn, tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với sự thành công của mỗi cá nhân người lao động và doanh nghiệp từ đó giúp hình thành nhân cách nghề nghiệp của mỗi chủ thể; hướng người học vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ trong hoạt động nghề nghiệp.

9.5.51. Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)

Mã học phần: TO6072

Số tín chỉ: 7(0;0;7)

Loại chuyên đề: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần thực tập tốt nghiệp là cơ hội để người học tìm hiểu một cách hoàn chỉnh về hoạt động kinh doanh và quản trị khách sạn trong các cơ sở kinh doanh lưu trú; chuẩn bị các kỹ năng cần thiết khi xin việc và duy trì công việc. Người học cũng sẽ được vận dụng và thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được đào tạo để hoàn thành các công việc được giao tại các cơ sở thực tập.

9.5.52. Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)

Mã học phần: TO6032

Số tín chỉ: 8(0;0;8)

Loại chuyên đề: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này là sự xâu chuỗi, tổng hợp của nhiều lĩnh vực kiến thức mà sinh viên đã được nghiên cứu và học tập. Học phần đề cao tính ứng dụng, tính thực tiễn của sinh viên trong quá trình nghiên cứu, đồng thời cũng yêu cầu nắm bắt được xu hướng và giải quyết các vấn đề đặt ra trong ngành quản trị khách sạn.

9.6. Đề cương chi tiết các học phần

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
1	Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác- Lênin	LP6002	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4836
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LP6004	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4838
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LP6001	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4835
4	Pháp luật đại cương	LP6003	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4837
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	BM6046	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6380
6	Nghi thức xã hội	TO6038	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5855&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TO6001	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4805&back=1&ver=1
8	Phong tục tập quán các nước trên thế giới	TO6046	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5869&back=1&ver=1
9	Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	TO6037	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5854&back=1&ver=1
10	Tiếng Anh Lễ tân khách sạn	FL6147	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6313
11	Tin học ứng dụng trong du lịch	TO6058	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5882&back=1&ver=1
12	Môi trường và phát triển	TO6036	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5852&back=1&ver=1
13	Kinh tế vi mô	BM6025	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6359
14	Xác suất thống kê	BS6008	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=4834
15	Nhập môn du lịch	TO6044	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5865&back=1&ver=1
16	Tham quan các mô hình lưu trú	TO6063	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5887&back=1&ver=1
17	Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng của khách du lịch	TO6055	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5879&back=1&ver=1
18	Marketing du lịch	TO6035	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5851&back=1&ver=1
19	Kinh tế du lịch	TO6027	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5835&back=1&ver=1
20	Luật trong du lịch	LP6005	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6281
21	Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	TO6024	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5832&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
22	Thực tập cơ sở ngành (QTKS)	TO6075	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5895&back=1&ver=1
23	Địa lý du lịch	TO6019	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5824&back=1&ver=1
24	Du lịch có trách nhiệm	TO6016	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5821&back=1&ver=1
25	An ninh, an toàn trong khách sạn	TO6005	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5782&back=1&ver=1
26	Kinh doanh khách sạn	TO6026	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5834&back=1&ver=1
27	Quản trị bộ phận buồng	TO6050	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5874&back=1&ver=1
28	Quản trị bộ phận tiền sảnh	TO6051	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5875&back=1&ver=1
29	Quản trị bộ phận ẩm thực	TO6049	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5873&back=1&ver=1
30	Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ	TO6048	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5872&back=1&ver=1
31	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	TO6025	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5833&back=1&ver=1
32	Nghiệp vụ buồng	TO6040	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5859&back=1&ver=1
33	Nghiệp vụ bàn	TO6039	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5857&back=1&ver=1
34	Pha chế đồ uống	TO6045	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5866&back=1&ver=1
35	Lễ tân khách sạn	TO6033	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5849&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
36	Thực tập chuyên ngành khách sạn	TO6076	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5897&back=1&ver=1
37	Quản trị nhân lực	BM6060	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6394
38	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	TO6052	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5876&back=1&ver=1
39	Tư vấn và bán sản phẩm du lịch	TO6062	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5886&back=1&ver=1
40	Thanh toán quốc tế trong du lịch	TO6065	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5889&back=1&ver=1
41	Thương mại điện tử trong du lịch	TO6077	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6101&back=1&ver=1
42	Xúc tiến du lịch	TO6079	https://www.dhcnhn.vn/cdio/modulesversioncdio/dieu-chinh-de-cuong-hoc-phan.htm?id=%206103&mid=6103&back=1
43	Tổ chức sự kiện	TO6059	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5883&back=1&ver=1
44	Giao tiếp trong du lịch	TO6022	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5827&back=1&ver=1
45	Lễ tân ngoại giao	TO6034	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5850&back=1&ver=1
46	Thư ký văn phòng	BM6079	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6413
47	Kế toán doanh nghiệp du lịch	AA6009	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=6223
48	Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch	TO6012	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5801&back=1&ver=1
49	Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	TO6011	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5799&back=1&ver=1
50	Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	TO6010	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5798&back=1&ver=1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Đường link trên hệ thống đại học điện tử
51	Thực tập doanh nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn	TO6072	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5900&back=1&ver=1
52	Khóa luận tốt nghiệp (Ngành Quản trị khách sạn)	TO6032	https://www.dhcnhn.vn/cdio/viewmodulescdio/xem-chi-tiet-de-cuong-hoc-phan.htm?id=5840&back=1&ver=1

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1. Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 12: Đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Khối kiến thức		ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	ĐH Công nghiệp HN
Khối kiến thức giáo dục đại cương	Lý luận chính trị	10		10
	Khoa học xã hội và nhân văn	20	37	13
	Tiếng Anh chuyên ngành	9		5
	Khoa học tự nhiên	3		4
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở khối ngành	17	3	9
	Cơ sở ngành	18		17
	Chuyên ngành	32	49	31
	Bổ trợ	3		11
Thực tập doanh nghiệp		6		10
Tốt nghiệp	TTTN	3		9
	KLTN	5		6
Khác		2		
Số TC tự chọn		26	22	20
Tổng số TC của CTĐT		**137**	**120**	**135**

10.2. Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Bảng 13: So sánh các học phần tương đồng giữa các trường

Học phần	Trường ĐH KTQD (2018)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	Trường ĐH Công nghiệp HN
Triết học Mác-Lênin	x	x		x
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x		x
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x		x

Học phần	Trường ĐH KTQD (2018)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	Trường ĐH Công nghiệp HN
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x
Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x		x
Pháp luật đại cương	x			x
Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			x
Lễ tân ngoại giao	x			x
Nghi thức xã hội				x
Phong tục tập quán các nước trên thế giới				x
Cơ sở văn hóa việt nam	x	x		x
Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam	x			x
Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	x	x		x
Xác suất thống kê			x	x
Tin học ứng dụng trong KS	x	x		x
Kinh tế vi mô	x	x		x
Môi trường và phát triển		x		x
Nhập môn du lịch học		x	x	x
Tham quan các mô hình cơ sở lưu trú				x
Marketing du lịch	x			x
Kinh tế du lịch	x			x
Luật trong du lịch				x
Kiểm soát đồ uống và thực phẩm	x			x
Thực tập cơ sở ngành				x
Địa lý du lịch				x
Du lịch có trách nhiệm				x
An ninh an toàn trong khách sạn	x			x
Kinh doanh khách sạn	x			x
Quản trị bộ phận buồng	x	x		x
Quản trị bộ phận tiền sảnh	x	x		x
Quản trị bộ phận ẩm thực	x	x		x
Quản lý và vận hành khách sạn vừa và nhỏ				x
Kinh doanh dịch vụ bổ sung	x			x
Nghiệp vụ buồng			x	x
Nghiệp vụ bàn	x		x	x
Pha chế đồ uống		x		x
Lễ tân khách sạn	x		x	x
Thực tập chuyên ngành	x		x	x
Quản trị nhân lực	x		x	x
Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch			x	x
Tư vấn và bán sản phẩm du lịch				x
Thanh toán quốc tế trong du lịch	x	x		x
Xúc tiến du lịch				x
Tổ chức sự kiện	x			x
Thương mại điện tử trong du lịch		x		x
Giao tiếp trong du lịch				x
Tâm lý du khách và hành vi tiêu dùng DL	x			x

Học phần	Trường ĐH KTQD (2018)	ĐH KHXHNV ĐHQGHN (2015)	ĐH Nevada, Las Vegas (2017)	Trường ĐH Công nghiệp HN
Thư ký văn phòng				x
Kế toán doanh nghiệp du lịch		x	x	x
Chuyên đề khởi nghiệp trong lĩnh vực DL	x			x
Chuyên đề hoạch định chiến lược trong kinh doanh khách sạn	x			x
Chuyên đề đạo đức nghề khách sạn	x			x
Thực tập doanh nghiệp	x	x		x
Khóa luận tốt nghiệp	x	x		x

[1] Phụ lục 01; [2] Phụ lục 02; [3] Phụ lục 03

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

PGS. TS. Phạm Văn Bổng

TRƯỞNG KHOA

Phạm Văn Đại